TỈNH UỶ ĐỒNG THÁP
BAN TUYÊN GIÁO
*

Số 1311-CV/BTGTU
Tài liệu tuyên truyền, giáo dục lịch sử truyền thống và cách mạng quý I năm 2023

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đồng Tháp, ngày 27 tháng 02 năm 2023

Kính gửi: - Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Tỉnh,
- Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội Tỉnh,
- Các ban và cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh uỷ,
- Các huyện uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ,
- Trường Chính trị Tỉnh, các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn Tỉnh,
- Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội,
- Ban tuyên giáo (tuyên huấn) các huyện uỷ, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ,
- Trung tâm chính trị các huyện, thành phố.

Thực hiện Kế hoạch phối hợp số 87-KH/BTGTU-HKHLS-ĐTNCS HCM ngày 06/12/2022 giữa Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ với Hội Khoa học Lịch sử Tỉnh và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Tỉnh về phối hợp tuyên truyền, giáo dục lịch sử truyền thống và cách mạng.

Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ phối hợp Hội Khoa học Lịch sử Tỉnh biên soạn tài liệu tuyên truyền, giáo dục lịch sử[(1)] gồm 02 chuyên đề:

1. Chuyên đề Lịch sử Nam Bộ: "Sơ lược về Vương quốc Phù Nam".

2. Chuyên đề Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp: "Các phong trào yêu nước ở tỉnh Đồng Tháp đến năm 1930".

(Có tài liệu kèm theo)

Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ đề nghị các địa phương, đơn vị sử dụng tài liệu nêu trên để tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục lịch sử truyền thống và cách mạng cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, học viên, học sinh, sinh viên và nhân dân bằng nhiều hình thức phong phú, phù hợp, thông qua sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chi, tổ hội, sinh hoạt tổ nhân dân tự quản, hội quán, họp mặt, sinh hoạt chuyên đề, hoạt động ngoại khoá, truyền thanh, thông tin điện tử, mạng xã hội của địa phương, đơn vị .

[(1)] Theo Kế hoạch phối hợp, trong năm 2023, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ sẽ cung cấp tài liệu tuyên truyền cho các địa phương, đơn vị vào đầu mỗi quý. Tài liệu trên phục vụ công tác tuyên truyền quý I/2023.

Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ đề nghị các địa phương, đơn vị quan tâm tổ chức triển khai thực hiện đạt hiệu quả.

Nơi nhận:
- Như trên,
- Hội Khoa học Lịch sử Tỉnh,
- Lãnh đạo Ban,
- Lưu BTGTU + Phòng LLCT và LSĐ (TQT).

TRƯỞNG BAN

Người ký: Ban Tuyên giáo
Email: BANTUYENGIAOQTCl/BANTUYENGIAO/TUDONGTHAP/DCS/VN@BANTUYENGIAO
Cơ quan: Tỉnh ủy Đồng Tháp
Thời gian ký: 03.03.2023 16:25:22 +07:00

Lê Thị Kim Loan

TÀI LIỆU
tuyên truyền, giáo dục lịch sử truyền thống và cách mạng
(Kèm theo Công văn số 1311-CV/BTGTU ngày 27/02/2023 của Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ)

Chuyên đề Lịch sử Nam Bộ
SƠ LƯỢC VỀ VƯƠNG QUỐC PHÙ NAM[(2)]

Căn cứ vào các thư tịch Trung Hoa cổ và kết quả khai quật do các nhà khảo cổ người Pháp và Việt Nam thực hiện trong hơn 100 năm qua, thì vào đầu Công nguyên, ở phía nam nước Lâm Ấp (Chiêm Thành, Chăm-pa) xuất hiện một vương quốc tên là Phù Nam với trung tâm là vùng Tây Nam Bộ Việt Nam ngày nay. Tên gọi Phù Nam (tài liệu nước ngoài ghi là Founan hoặc Funan) được phiên âm từ chữ Hán xuất hiện trong cổ sử Trung Hoa và các báo cáo của hai sứ giả Trung Hoa là Khang Thái và Chu Ứng từng đến đây vào giữa thế kỷ III.

1. Cùng thời với *văn hoá Hoà Bình* (cách ngày nay 15.000 năm, kéo dài đến 2.000 năm trước Công nguyên), con người đã sinh sống rải rác khắp Đông Nam Á lục địa, trên vùng rừng núi, sườn đồi và cả đồng bằng. Đến thời kỳ đồ đồng, những người sơ sử từ rừng núi Trường Sơn (ở miền Đông Nam Bộ ngày nay) xuôi theo những triền sông xuống khai phá vùng đồng bằng và tiến dần ra biển. Một bộ phận từ thượng nguồn sông Đồng Nai tiếp tục đi qua vùng trung lưu sông Mê-kông và dừng lại ở vùng đất cao Ba Thê - Óc Eo (nay thuộc tỉnh An Giang), những nhóm khác lại ngược lên Sa Huỳnh (Quảng Ngãi ngày nay)… Trên đường thiên di hàng ngàn năm, họ để lại dấu tích ở nhiều nơi, từ lưu vực sông Đồng Nai cho đến Cần Giờ và vùng ven biển Tây Nam.

Khoảng thế kỷ V trước Công nguyên, những người từ Mã Lai - Đa Đảo (Nam Đảo hoặc Java, Đồ Bà, Chà Và) toả ra khắp vùng Đông Nam Á, trong đó, nhiều nhóm đã đến bờ biển Quảng Ngãi, vùng đất giồng Soài Rạp, Cần Giờ và vùng Ba Thê - Óc Eo. Những người Mã Lai - Đa Đảo đến từ biển đã cùng với người bản địa từ miền núi xuống định cư ở đồng bằng từ trước đó, hợp thành những bộ tộc theo chế độ mẫu hệ với trình độ văn hoá phát triển cao trong suốt 5 thế kỷ. Đây chính là tổ tiên của người Phù Nam, chủ nhân của Vương quốc Phù Nam.

2. Phù Nam là một vương quốc phát triển cao ở Đông Nam Á thời cổ đại, tồn tại khoảng 700 năm (từ thế kỷ I đến thế kỷ VII sau Công nguyên). Vương quốc Phù Nam trải qua 14 đời vua (thủ lãnh), kinh đô đặt ở thành Đặc Mục (Nagarapura, nghĩa là Đô thành Quốc gia, nay thuộc tỉnh Kirivong, Campuchia).

---

(2) Chuyên đề do ông Lê Minh Trung, Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Đồng Tháp biên soạn.

Nằm giữa hai nền văn minh lớn là Ấn Độ và Trung Hoa, lại có thủ lãnh lập quốc (Kaudinya, tức Hỗn Điền hoặc Hỗn Hội) và một số vị vua sau là người đến từ vương quốc Gupta bên Ấn Độ (Chandran tức Thiên Trúc Chiên Đàn và Sri Tavarman tức Kiều Trần Như) nên Hindu giáo, Phật giáo, chữ Phạn, luật tục, lễ nhạc, y phục,… có nguồn gốc Ấn Độ ảnh hưởng sâu rộng xã hội Phù Nam.

Văn hóa Trung Hoa bắt đầu thâm nhập vào Phù Nam qua con đường giao thương mua bán, triều đình Phù Nam từng lập "văn phòng thương mãi" gần thủ phủ Nam Kinh (gọi là Phù Nam quán) vào năm 224. Sau khi vua Phạm Chiên (trị vì từ 225 - 250) lần đầu tiên cử sứ giả sang Trung Hoa vào năm 243 (thời Tam quốc), việc trao đổi các sứ thần, cao tăng Phật giáo giữa Phù Nam và các triều đại Trung Hoa diễn ra liên tục trong mấy trăm năm liền và lần thông hiếu cuối cùng là vào năm 627 khi sứ giả Phù Nam mang lễ vật triều cống cho vua Đường Thái Tông.

Văn hóa Ấn - Hoa dung hợp với văn hóa truyền thống bản địa đã có từ trước hình thành nên một nền văn hóa mang bản sắc riêng của người Phù Nam. Các di chỉ của người Phù Nam được nhà khảo cổ người Pháp là Louis Malleret tìm thấy lần đầu tiên ở Óc Eo - Ba Thê (nay thuộc huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang) từ năm 1944 với rất nhiều hiện vật quý báu, cho đến nay, Óc Eo vẫn là nơi tập trung di chỉ Phù Nam lớn nhất Đông Nam Á. Từ đó, nền văn hóa của người Phù Nam được giới khoa học định danh là "văn hóa Óc Eo" và nền văn hóa truyền thống của cư dân bản địa trước khi tiếp nhận các yếu tố Ấn - Hoa gọi là "văn hóa Tiền Óc Eo".

3. Thời cực thịnh, Phù Nam từng thôn tính hơn 10 nước chung quanh, trở thành một đế quốc với không gian lãnh thổ rộng lớn, bao gồm vùng hạ lưu và trung lưu sông Mê-kông, kéo sang vùng hạ lưu và một phần trung lưu sông Mê-nam xuống tận bán đảo Mã Lai, trùm lên phần đất phía nam Lào, nam Thái Lan, toàn bộ Campuchia, Nam Bộ và Nam Trung Bộ của Việt Nam ngày nay. Cổ sử Trung Hoa cho biết *"Phù Nam rộng 3.000 lý, đến thời Phạm Mạn* (Crimara, trị vì từ 220 - 225) *lại đóng tàu to, vượt biển lớn, mở rộng đến 5 - 6.000 lý, chinh phục hơn 10 nước, đến tận Kim Lân* (có thể thuộc Myanmar ngày nay)*"*. Riêng tiểu quốc Cát Miệt (phiên âm chữ Hán tộc danh Khmer) ở vùng Biển Hồ cũng trở thành phiên thuộc của Phù Nam vào thế kỷ V.

Phù Nam ngày một cường thịnh với nghề hàng hải và thương nghiệp mà cảng thị Óc Eo là một trung tâm kinh tế, văn hoá quan trọng và là cửa ngõ giao thương sầm uất, luôn tấp nập các thuyền buôn đến từ Ấn Độ, Trung Hoa, Mã Lai, La Mã,… Ở đó, các thương nhân nước ngoài bán vàng, đồng, chì, thiếc, đá quý, các loại thuỷ tinh để chế tác đồ trang sức, mua lại các sản vật của Phù Nam và sửa chữa tàu thuyền, nhận lương thực, nước ngọt, thiết bị đi biển từ cư dân Phù Nam. Nhu cầu trao đổi hàng hoá ngày càng tăng theo đà phát triển của các đế chế cổ đại, các loại hương liệu, bông vải, đá quý, hổ phách,… từ La Mã, Ba Tư đổ về Trung Hoa và ở chiều ngược lại, thương nhân mang về tơ lụa, gốm sứ,… Khi đó, cảng thị

Óc Eo là một điểm dừng chân lý tưởng. Phù Nam cũng có đội ngũ thương nhân giỏi, họ không chỉ buôn bán ở Trung Hoa, Ấn Độ mà còn vươn tới vùng Địa Trung Hải, Trung Đông và sang tận châu Phi. Cảng thị Óc Eo ngày càng mở rộng, trở thành một trung tâm ngoại thương, công nghiệp và một thị tứ sầm uất, với cảng biển, kinh đào, đường sá, đền đài, xưởng thủ công, nhà ở, được sắp xếp quy củ.

Không chỉ giỏi đóng tàu thuyền lớn, cả thương thuyền và chiến thuyền, người Phù Nam còn thành thạo nhiều nghề thủ công với các sản phẩm bằng gốm, gỗ, vàng, bạc, đá quý,… Những sản phẩm mỹ nghệ tinh xảo được bán ở các nước, mang về nguồn lợi lớn cho vương quốc. Sử Trung Hoa chép: *"Các nước ngoài thường tới đây giao dịch buôn bán* (…) *Chợ của nước nầy* (Phù Nam) *là nơi hội họp của lái buôn cả phương Đông và phương Tây, hàng ngày có tới hơn một vạn khách buôn, hàng hoá quý, của báu không thiếu thứ gì"*.

Người Phù Nam giỏi canh tác ở vùng đất trũng thấp. Họ đã tạo ra một hệ thống kinh đào rộng lớn toả ra khắp miền tây sông Hậu, với con kinh dài 80 - 90 cây số từ kinh thành Đặc Mục qua Óc Eo đến Đá Nổi (nay thuộc tỉnh Kiên Giang). Nối vào đó là những kinh rạch, đường nước, vừa là đường vận chuyển hàng hoá, vừa là một hệ thống thuỷ nông, cho thấy cư dân Phù Nam đã tổ chức sản xuất nông nghiệp với quy mô rộng lớn trên toàn miền Tây Nam Bộ vào những thế kỷ đầu Công nguyên. Và, người Phù Nam chẳng những tự túc được lương thực mà còn cung cấp cho các tàu buôn ra vào cảng thị Óc Eo và trao đổi với cư dân vùng Nam Đảo. Không chỉ ở phía tây sông Hậu, vùng đất trũng thấp ở phía đông sông Tiền, bao gồm vùng Tháp Mười (thuộc tỉnh Đồng Tháp ngày nay), người Phù Nam đã khai thác lúa trời và canh tác các giống lúa của họ mà sứ thần Trung Hoa mô tả là *"trồng một năm thu hoạch ba năm"*. Trong bia ký phát hiện ở Gò Tháp còn cho biết đó là *lãnh địa khai thác từ đầm lầy*, từng được giao cho thái tử Gunavarman cai quản. Quanh Gò Tháp, phát hiện dấu vết của những kinh đào, đường nước cổ xưa bị vùi lấp, cho thấy người Phù Nam đã khai thác một vùng đất rộng lớn cho dù còn ngập nước hàng năm.

Các triều đại vua Phù Nam nối tiếp nhau trị vì trong hơn 6 thế kỷ, giữ cho vương quốc cường thịnh mấy trăm năm liền, với những quy định triều nghi tương ứng với sức mạnh kinh tế, quân sự của họ. Cổ sử Trung Hoa kể rằng *"Vua nước họ* (Phù Nam) *đi đâu thì cỡi voi, cung tần, kẻ hầu đều cỡi voi. Vua thì ngồi lệch, xếp hai đầu gối về một phía, đầu gối trái chạm đất. Họ lấy vải trắng mà trải làm chiếu, phía trước đặt cái bồn bằng vàng, trên bàn đặt lò hương"* hoặc *"Nhà vua ngự trong cung có lầu, nền xây bằng đá* (…) *Khi nhà vua du hành thì cỡi voi, dân chúng trải vải ra đường để voi đi lên. Đoàn hộ tống có lính hầu, lính cầm lọng che, lính đánh trống, thổi tù và. Đàn bà cũng cỡi voi"*,… Giới quý tộc, tăng lữ và người giàu có (thương nhân, thợ thủ công giỏi,…) dùng các vật dụng, đồ trang sức bằng vàng, bạc nạm đá quý, được thể hiện qua tượng thờ các vị nam thần, nữ thần đã được tìm thấy.

4. Dấu tích của vương quốc Phù Nam đã được phát hiện ở nhiều nơi, trải dài từ miền Đông đến miền Tây Nam Bộ. Trên địa phận Đồng Tháp, các di chỉ Phù Nam được các nhà khảo cổ phát hiện ở Hồng Ngự, Tân Hồng, hiện vật Phù Nam còn được người dân tìm thấy ở Cao Lãnh (thuyền độc mộc, tượng Phật, tượng thần,…), Thanh Bình (tượng thần Vishnu) nhưng tập trung nhiều nhất là ở Gò Tháp.

Di chỉ Phù Nam ở Gò Tháp (trong Khu di tích quốc gia đặc biệt Gò Tháp, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp) được biết tới lần đầu tiên trong những năm 1869 - 1878 khi người Pháp phát hiện nhiều hiện vật bằng đá và nền móng của một ngôi tháp cổ trên gò Tháp Mười, phần lớn được chở về dinh Tham biện Sa Đéc (trong khuôn viên trường Cao đẳng nghề Đồng Tháp ngày nay), đến năm 1928 mới chuyển dần về Viện Bảo tàng Sài Gòn.

Sau ngày đất nước thống nhất, các nhà khảo cổ Việt Nam thực hiện nhiều cuộc khai quật ở khu vực Gò Tháp, đã tìm thấy các nền gạch cổ, là dấu tích còn lại của một ngôi đền thờ thần Vishnu (xây dựng từ thế kỷ II), hai đền thần Mặt Trời (khoảng thế kỷ II và thế kỷ IV), hai đền thần Shiva (khoảng thế kỷ IV và thế kỷ VI), đền nữ thần Uma. Nhiều hiện vật, di tích kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng khác (ao thần, giếng thần, tượng Phật, tượng thần, vật cúng,…), cùng nhiều di tích cư trú, xưởng chế tác, khuôn đúc, đồ trang sức và vật dụng sinh hoạt cũng đã tìm thấy ở Gò Tháp, trong đó, hai tượng thần Vishnu đã được công nhận là Bảo vật quốc gia, gần 400 hiện vật vàng có niên đại từ khoảng thế kỷ III đến thế kỷ VII, giữ kỷ lục "Bộ sưu tập hiện vật vàng Văn hóa Óc Eo - Gò Tháp nhiều nhất Việt Nam".

Một trong hai tấm bia chữ Phạn tìm được tại Gò Tháp mang nội dung ca tụng Gunavarman nhân dịp thái tử được giao cai quản vùng Đồng Tháp Mười hồi thế kỷ thứ VI, có đoạn: *"Nhà vua* (Jayavarman tức Đồ Tà Bạt Ma, từng được vua nhà Lương phong An Nam tướng quân Phù Nam vương) *đã cưới một người đàn bà đẹp có một dáng đi* (mất chữ) *và một thắt lưng xinh xắn, sinh đứa con trai tên Gunavarman, tâm hồn cao thượng và trí thông minh* (mất chữ) *Do nhà vua gặp vận may có dáng đi hùng dũng của vị thần Vikramin và chính là Mặt Trăng của dòng dõi tiên vương Kaudinya, vị thái tử này dù còn nhỏ tuổi đã được chỉ định lãnh đạo một lãnh thổ* (lãnh địa) *sùng đạo chinh phục trên bùn lầy, nhờ ngài là người có đạo đức và phẩm hạnh"*.

Từ kết quả khảo cổ, có nhà khoa học nhận định: tiểu quốc (lãnh địa) *Chinh phục từ đầm lầy* có lãnh thổ từ sông Hậu kéo dài lên sông Sài Gòn với trung tâm quyền lực chính trị, tôn giáo, văn hóa (thủ phủ) đặt tại khu vực Gò Tháp, là một trong 3 tiểu quốc (lãnh địa) thuộc vương quốc Phù Nam ở vùng đất tương ứng với Nam Bộ ngày nay.

5. Đế chế Phù Nam buộc các thuộc quốc phải cống nạp, cung cấp nô lệ và bán sản vật cho tôn chủ, ngược lại, Phù Nam bảo vệ các chư hầu, chinh phạt các thuộc

quốc không chịu khuất phục để giữ nguồn tài nguyên, nô lệ và nhất là kiểm soát chặt tuyến đường giao thương trên biển đang ngày càng nhộn nhịp. Sử Trung Hoa chép rằng *"Người Phù Nam khôn khéo kiệt hiệt, đánh chiếm các nước láng giềng không thuần phục, bắt dân họ làm nô tì, đổi chác vàng bạc, lụa bạch"*.

Đế chế Phù Nam thường phát động chiến tranh mở rộng cương vực làm người dân các thuộc quốc khổ sở, tạo ra mầm mống chống đối từ bên trong. Cuối thế kỷ V, kỹ thuật đóng tàu đã phát triển, các thương thuyền của người Ả Rập có thể đi biển dài ngày hơn, họ không cần dừng chân ở cảng thị Óc Eo nữa, cùng với việc nước biển dâng cao (biển tiến) từ thế kỷ IV nhấn chìm một vùng lãnh thổ rộng lớn, khiến cho nền kinh tế của Phù Nam suy sụp. Cung đình Phù Nam cũng trải qua những cuộc tranh giành quyền lực đẫm máu và sự kiện Lưu Đà Bạt Ma (Rudravarman) giết thái tử dòng chánh là Gunavarman (người được giao cai quản lãnh địa *Chinh phục từ đầm lầy*) để soán ngôi vào năm 514 làm cho triều đình Phù Nam phân hóa, đẩy một đế chế hùng mạnh đến bờ vực diệt vong.

Nhân lúc vương triều Phù Nam suy yếu, người Cát Miệt vùng lên thoát vòng phiên thuộc rồi khởi binh gây chiến, triều đình Phù Nam phải lui dần về phía Nam, cố thủ ở thành Na-phất-na (Nafuna tức Naravarangara, có thể là cảng thị Óc Eo), cầm cự một thời gian với 4 triều đại nữa, đến sau năm 627 thì sụp đổ hoàn toàn, con cháu của vua Phù Nam chạy sang Java.

Vương quốc Phù Nam hùng mạnh một thời đã diệt vong, vùng đất ngày nay là Nam Bộ Việt Nam vẫn còn ngập nước, sình lầy mà người Khmer không quen khai thác nên việc cai trị vẫn phải giao cho những người thuộc dòng dõi Phù Nam và chắc chắn thần dân Phù Nam vẫn còn sinh sống ở đây. Lịch sử đã đảo chiều, từ một đế quốc Phù Nam hùng mạnh phút chốc trở thành một thuộc quốc (tiểu quốc Aninditapura) dưới quyền cai trị của một vương quốc từng là chư hầu của mình!

Nửa cuối thế kỷ VIII, vùng đất này lại thay đổi chủ nhân: Vương quốc Sailendra (Srivijaya) của người Java đã xâm chiếm toàn bộ Chân Lạp, trong đó có vùng đất Nam Bộ, mãi cho đến năm 802, người Java mới rời đi.

6. Sau khi Chân Lạp đánh bại Phù Nam, trong một số thư tịch cổ Trung Hoa xuất hiện tên gọi "Lục Chân Lạp" để chỉ vùng đất cao quanh Biển Hồ ở phía bắc vương quốc Phù Nam là vùng đất gốc của người Khmer và "Thủy Chân Lạp" để chỉ vùng đất thấp, còn ngập nước, từng là một phần lãnh thổ của vương quốc Phù Nam, tương ứng với vùng đất Nam Bộ Việt Nam ngày nay. Từ lúc người Java từ bỏ quyền kiểm soát của mình (năm 802), vùng đất Thủy Chân Lạp trở vào thời kỳ hoang phế, vô chủ.

Trong gần 10 thế kỷ (VII - XIV), từ khi Chân Lạp quật khởi giành độc lập rồi xâm chiếm Phù Nam cho đến khi vương triều Angkor sụp đổ, người Chân Lạp không khai thác lãnh thổ mới chiếm được (Thủy Chân Lạp), mà dành nhiều thời

gian, công sức khai khẩn vùng đất cao truyền thống ở Lục Chân Lạp. Người Chân Lạp lại thường phát động các cuộc chiến tranh mở rộng cương vực lên phía bắc theo sông Mê-kông và qua phía tây (lưu vực Chao Phaya), lập nên đế quốc Angkor rộng lớn và hùng mạnh, trong đó, dai dẳng và hao tốn nhất là cuộc chiến với vương quốc Chăm-pa. Triều đình Angkor từng liên minh với nhà Tống và Chăm-pa tấn công Đại Việt vào năm 1076 (thời vua Lý Nhân Tông), 5 lần mang đại binh đánh vào Nghệ An trong các năm 1128 (2 lần), 1132, 1135 và 1150 (thời vua Lý Thần Tông, Lý Anh Tông), lần nào Chân Lạp cũng bị đại bại trước quân binh Đại Việt.

Cuối thế kỷ XIV, Chân Lạp phải đối phó với sự bành trướng của vương triều Ayuthaya (Xiêm La), có lúc, người Xiêm chiếm đóng kinh thành Angkor, triều đình Chân Lạp phải dời dô về Oudong (Ô-đông, U-đông). Thất bại trong cuộc chiến kéo dài gần 80 năm, đế chế Angkor sụp đổ và vùng đất rộng lớn, trù phú ở phía bắc Biển Hồ rơi vào tay người Xiêm, các triều đại Chân Lạp về sau hoàn toàn lệ thuộc vào Xiêm La. Chân Lạp lúc nầy rơi vào tình cảnh gần giống vương quốc Phù Nam mà họ đã thôn tính từ 7 thế kỷ trước!

Lúc bấy giờ, phần lớn châu thổ sông Cửu Long ngày nay còn bị nước biển và sình lầy bao phủ do hiện tượng biển tiến kéo dài từ thế kỷ IV. Từ thế kỷ thứ X trở đi, nước biển rút dần, những dãy đảo ngoài khơi trở thành vùng đất cao ở Sóc Trăng, Trà Vinh, giồng Riềng, các giồng gò ở Đồng Tháp Mười và dọc biên giới Việt Nam - Campuchia ngày nay.

Đến thế kỷ XIII, vùng này vẫn còn hoang vắng, rừng rậm mênh mông, hầu như không có người ở, như Châu Đạt Quan mô tả khi đi sứ ngang qua vào năm 1269 - 1270: *"Bắt đầu vào Chân Bồ* (Bà Rịa - Vũng Tàu ngày nay) *hầu hết cả vùng đều là bụi rậm của khu rừng thấp, những cửa rộng của con sông lớn, chạy dài hàng trăm lý, bóng mát um tùm của những cây cổ thụ và cây mây dài tạo thành nhiều chỗ xum xuê. Tiếng chim hót, tiếng thú kêu vang dội khắp nơi. Vào nửa đường trong cửa sông* (có lẽ là vùng Đồng Tháp Mười), *người ta mới thấy lần đầu cảnh ruộng bỏ hoang, không một gốc cây nào. Xa hơn tầm mắt chỉ toàn là cỏ kê* (có thể là lúa trời, lúa ma) *đầy dẫy. Hàng trăm, hàng ngàn trâu rừng tụ họp từng bầy trong vùng"*. Chính tình trạng hoang vắng này mà người Bồ Đào Nha không thiết lập ở đây một cơ sở thương mại hay một trung tâm truyền giáo lâu dài.

Người Khmer trốn tránh chiến tranh kéo đến vùng đất Thủy Chân Lạp theo các đợt di dân lẻ tẻ, họ chỉ sống trên các gò, giồng đất cao, còn người Chăm, người Mã Lai, người Hoa sinh sống rải rác, tất cả không chịu sự chi phối, quản lý của bất cứ chính quyền nào thời đó. Cho đến cuối thế kỷ XVI, vùng đất này vẫn còn có ít người cư ngụ. Trong sách *Phủ biên tạp lục*, Lê Quý Đôn viết *"Ở phủ Gia Định đất Đồng Nai, từ biển Cần Giờ, Lôi Lạp, cửa Tiểu, cửa Đại trở vào, toàn là rừng rậm đầy cỏ rậm, mỗi đám rừng rộng hơn ngàn dặm"*.

Như vậy, bắt đầu từ thế kỷ XVI và nhất là từ đầu thế kỷ XVII, do sự can thiệp của các vua Xiêm, triều đình Chân Lạp bị chia rẽ và suy vong, không có khả năng kiểm soát vùng đất Nam Bộ ngay cả trên danh nghĩa. Trong bối cảnh nầy, người Việt từ vùng Thuận Quảng vào Nam Bộ khai mở đất hoang, lập nên làng xóm, hòa đồng với cư dân tại chỗ và những cộng đồng cư dân mới nhập cư, dưới sự tổ chức và quản lý của các chúa Nguyễn, cùng nhau mở mang, phát triển Nam Bộ thành một vùng đất trù phú và năng động, một bộ phận hữu cơ, một mảnh đất thiêng liêng không thể tách rời của lãnh thổ Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Kỷ yếu Hội thảo khoa học *"Văn hoá Óc Eo và Vương quốc Phù Nam"*, Nxb.Thế giới, 2008.

- Kỷ yếu Hội thảo khoa học *"Giá trị của di sản văn hoá Óc Eo - An Giang trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội"*, 2016.

- Phan Huy Lê (chủ biên), *Vùng đất Nam Bộ - Quá trình hình thành và phát triển*, Tập 1, Nxb.Chính trị quốc gia - Sự thật, 2017.

- Lê Hương, *Sử liệu Phù Nam*, Nxb.Nguyên Nhiều, Sài Gòn, 1974.

- Lương Ninh, *Nước Phù Nam*, Nxb.Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2006.

- PGS.TS.Đặng Văn Thắng (chủ biên), *Các tiểu quốc thuộc vương quốc Phù Nam ở Nam Bộ*, Nxb.Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2017.

Chuyên đề Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp
CÁC PHONG TRÀO YÊU NƯỚC Ở TỈNH ĐỒNG THÁP ĐẾN NĂM 1930[3]

I- TRUYỀN THỐNG ĐÁNH GIẶC GIỮ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN NAM KỲ VÀ ĐỒNG THÁP

Là một tỉnh được hình thành bởi hai khu vực là vùng Cao Lãnh (tả ngạn sông Tiền) và vùng Sa Đéc (hữu ngạn sông Tiền), tuy khác nhau về địa lý tự nhiên, sinh thái, nhưng con người Đồng Tháp có chung một quá trình khai hoang, xây dựng xóm làng và chống ngoại xâm, giữ gìn bờ cõi. Do nằm trên hai bên bờ sông Tiền, lại sát biên giới Campuchia, còn là vùng đệm giữa miền Đông và miền Tây Nam Bộ, giữa miền duyên hải và Campuchia, chính vì thế mà ở Đồng Tháp diễn ra gần như đầy đủ các sự kiện tiêu biểu cho mọi giai đoạn lịch sử của Nam Bộ, đã khẳng định truyền thống yêu nước của nhân dân Đồng Tháp luôn được tiếp nối, không bao giờ gián đoạn.

1. Các cuộc chiến đấu chống âm mưu Đông tiến của triều đình Xiêm La

Từ lâu, các đời vua Xiêm La luôn nuôi tham vọng chiếm lấy đất Cao Miên, Gia Định (vùng đất Nam Bộ ngày nay) để mở rộng lãnh thổ.

Năm 1766, vua Xiêm đã chuẩn bị chiến thuyền đánh chiếm trấn Hà Tiên, nhưng do quân Miến Điện bất ngờ tấn công vào kinh thành, đốt phá cung điện, bắt vua Boromoraja và hàng vạn dân mang về nước, các hoàng thân Xiêm phải trốn qua Cao Miên và Hà Tiên, *"vậy là việc nước Xiêm định sang đánh* (Hà Tiên) *phải bỏ" (theo Gia Định thành thông chí).*

Năm 1771, quân Xiêm đánh chiếm Hà Tiên, thuộc tướng của Mạc Thiên Tứ chạy qua Tân Châu xin Tống Phước Hiệp đem quân ứng cứu. Một cánh quân Xiêm tiến đến vùng Cường Thành (nay thuộc huyện Lấp Vò), *"Cai đội đạo Đông Khẩu là Nhơn Thanh hầu Nguyễn Hữu Nhơn chặn chỗ hiểm đánh bất ngờ, thắng luôn mấy trận, thu được 10 thuyền chiến của Xiêm, quân Xiêm theo đường bộ chạy trốn, bị chém, bị đói khát chết hơn phân nửa" (theo Gia Định thành thông chí).*

Năm 1784, nhân lời cầu viện của chúa Nguyễn Phúc Ánh, mấy vạn quân Xiêm lại tràn vào Rạch Giá (Kiên Giang) rồi đánh chiếm Trấn Giang (Cần Thơ), Ba Thắc (Sóc Trăng), Sa Đéc, Mâng Thít (Vĩnh Long),… Nguyễn Huệ liền mang đại quân vào Mỹ Tho ngăn chặn quân giặc. Đầu năm 1785 (dương lịch), đại quân Xiêm với 300 chiến thuyền và khoảng hai vạn quân rơi vào trận địa mai phục hiểm hóc do Nguyễn Huệ bày ra trên sông Mỹ Tho (đoạn từ rạch Gầm đến Xoài Mút). Trận đánh diễn ra từ nửa đêm đến rạng sáng thì quân Xiêm thiệt hại nặng, tướng

[3] Chuyên đề do Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ biên soạn.

Xiêm là Chiêu Sương và Chiêu Tăng dẫn mấy ngàn tàn quân chạy về Sa Đéc rồi trốn qua Cao Miên bằng đường bộ.

Cuối năm 1833, Lê Văn Khôi cử sứ giả sang Xiêm cầu viện, ngay lập tức, mấy vạn quân Xiêm tràn sang nước ta. Ngoài bộ phận nhỏ đánh vào Nghệ An, Quảng Trị để căng kéo quân binh triều đình Đại Nam, cánh quân chủ lực Xiêm đánh chiếm thành Hà Tiên, Châu Đốc, dự định chiếm Sa Đéc rồi tiến về thành Gia Định. Lúc này, thôn Vĩnh Phước (Sa Đéc) là nơi tập trung quan tướng, quân binh lui về từ Hà Tiên, Châu Đốc. Thủy quân Xiêm bị quân và dân ta do Bình Khấu tướng quân Trần Văn Năng, Tham tán Trương Minh Giảng, Nguyễn Xuân,… chỉ huy chặn đánh quyết liệt ở Vàm Nao - Cổ Hủ, tướng Xiêm là Phi Nhã Khổ Lặc chết tại trận. Sau đó, quân ta tái chiếm Hà Tiên, Châu Đốc, tàn quân Xiêm kéo nhau chạy về Chân Lạp.

Sau khi vua Thiệu Trị cho lui quân khỏi Trấn Tây (1841), quân Xiêm liên kết với quân triều đình Chân Lạp thân Xiêm dưới quyền chỉ huy của tướng Xiêm là Phi Nhã Chất Tri liên tục vây ép vùng biên giới từ Quang Hóa (nay thuộc tỉnh Tây Ninh) cho đến Hà Tiên (Kiên Giang), chiến thuyền Xiêm tập trung trên vùng biển Tây Nam, thủy quân Xiêm đánh phá các đồn bảo trên đảo Phú Quốc… Hàng vạn quân Xiêm-Lạp liên tục quấy nhiễu trên sông Tiền, sông Hậu, kinh Vĩnh Tế, hàng ngàn quân vây đồn Tân Châu, An Lạc, Hùng Ngự, Thông Bình, phá luôn huyện lỵ Đông Xuyên… Phi Nhã Chất Tri còn kích động, hỗ trợ người Khmer ở vùng Trà Vinh, An Giang nổi dậy, đưa các lực lượng thân Xiêm về nước gây bạo loạn chống triều đình, thực hiện kế "nội công ngoại kích". Trong lúc binh lực Đại Nam phải phân tán trên nhiều hướng, quân thủy - bộ Xiêm đánh vào Hà Tiên, bị quân dân Hà Tiên dưới quyền chỉ huy của Anh Dũng tướng Đoàn Văn Sách, Án sát Huỳnh Mẫn Đạt đánh tan, quân Xiêm-Lạp cũng không thể vượt qua kinh Vĩnh Tế do Hùng Dũng tướng Nguyễn Công Nhàn trấn giữ. Vua Thiệu Trị khen rằng *"Năm Nhâm Dần* (1842)*, giặc Xiêm dám bằng đường thuỷ vào cướp tỉnh Hà Tiên, bằng đường bộ lại lấn khu vực sông Vĩnh Tế. Ta sai Anh Dũng tướng Đoàn Văn Sách bắn lui được đường thuỷ, tỉnh Hà Tiên được thanh bình, sai Hùng Dũng tướng Nguyễn Công Nhàn đánh giết ở đường bộ, nơi Vĩnh Tế được yên ổn" (theo Đại Nam thực lục).*

Năm 1845, quân binh Đại Nam dưới quyền chỉ huy của các tướng Nguyễn Tri Phương, Tôn Thất Nghị, Nguyễn Văn Hoàng, Doãn Uẩn, Nguyễn Công Nhàn… tổ chức một cuộc tổng phản công lên Chân Lạp, chiếm thành Nam Vang, bao vây cố đô Ô-đông, Phi Nhã Chất Tri phải xin cầu hòa và rút hết quân Xiêm về Battambang (lúc đó còn là đất của Xiêm La), quốc vương Chân Lạp chấp nhận bang giao với cả triều đình Xiêm và Đại Nam. Từ đó, vùng đất Nam Kỳ mới thoát cảnh khói lửa binh đao, người dân Nam Kỳ được yên ổn xây dựng quê hương cho đến khi thực dân Pháp đánh chiếm thành Gia Định (1859).

2. Phong trào Cần Vương từ giữa thế kỷ XIX

Sau khi thực dân Pháp chiếm Gia Định (1859), Định Tường (1861), Biên Hòa (1861), phong trào Cần Vương bùng phát mạnh mẽ ở khắp Nam Bộ, diễn ra đồng thời với hai hình thức trên hai địa bàn khác nhau: ở miền Tây thì tăng cường phòng thủ, cố giữ phần đất còn lại, ở miền Đông thì chiến đấu giành lại phần đất đã mất.

Cuộc chiến đấu do Hùng Dũng tướng Nguyễn Công Nhàn chỉ huy ở miền Tây. Trong buổi đầu kháng chiến chống quân xâm lược Pháp ở Nam Kỳ (trước Hòa ước 1862), mọi lực lượng ứng nghĩa đều đặt dưới quyền chỉ huy của quan lại triều đình nhà Nguyễn. Ở tỉnh Định Tường, Tổng đốc Nguyễn Công Nhàn sau khi để mất thành Mỹ Tho, được vua Tự Đức giao chức Thương biện quân vụ quân thứ Vĩnh - An (bao gồm hai tỉnh Vĩnh Long và An Giang) với nhiệm vụ chuẩn bị lực lượng sẵn sàng chiếm lại các tỉnh đã rơi vào tay liên quân Pháp - Tây Ban Nha và hỗ trợ ba tỉnh thành miền Tây Nam Kỳ bảo vệ phần đất còn lại.

Hiện còn phế tích một tòa thành kiểu Vauban với bốn pháo đài ở xã Long Thắng (nhân dân quen gọi là Bảo Tiền), một đồn binh ở xã Định Hòa (Bảo Hậu), xung quanh là hệ thống vật cản (đá hàn), tháp canh, đồn canh bố trí trên sông Hậu và các thủy lộ chính. Bảo Tiền, Bảo Hậu và hệ thống phòng thủ xung quanh có thể được Hùng Dũng tướng Nguyễn Công Nhàn chỉ huy xây dựng khoảng năm 1861.

Ở xã Long Hưng A, còn một ngôi mộ đất được người dân xác định là mộ của "quan Hùng Dõng" với nhiều sự tích ca tụng công lao của "quan Hùng Dõng", căn cứ vào những dấu vết còn sót lại có thể xác định đây là nơi đặt bản doanh của Hùng Dũng tướng Nguyễn Công Nhàn.

Cuộc chiến đấu của Thiên hộ Võ Duy Dương. Võ Duy Dương sinh năm 1827 trong một gia đình nông dân ở thôn Cù Lâm Nam, thuộc phủ Tuy Viễn, trấn Bình Định (nay là thôn Nam Tượng, Nhơn Tân, An Nhơn, Bình Định). Năm 1857, cụ vào khẩn hoang ở vùng Ba Giồng (nay thuộc tỉnh Tiền Giang). Năm 1859, liên quân Pháp - Tây Ban Nha tấn công thành Gia Định, cụ đã cùng Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân lập đội nghĩa ứng kéo về Gia Định đánh Pháp, được phong chức Chánh Quản đạo. Thành Gia Định thất thủ, Võ Duy Dương vượt biển về kinh đô, bái yết vua Tự Đức hiến kế đuổi giặc, được phong hàm Chánh bát phẩm Thiên hộ vào năm 1860.

Năm 1861, Thiên hộ Võ Duy Dương được sung vào phái bộ của Khâm phái quân vụ Đỗ Thúc Tịnh vào tỉnh Định Tường. Cụ chiêu mộ nghĩa dũng, quyên góp lúa gạo, tiền bạc, mua súng đạn, được đông đảo nhân dân hưởng ứng, nên được triều đình phong chức Quản cơ. Thiên hộ Võ Duy Dương liên kết với Trương Định, Trần Xuân Hòa (Phủ Cậu), thủ khoa Nguyễn Hữu Huân,… đánh Pháp nhiều trận. Sau khi chiếm các tỉnh miền Đông Nam Kỳ, quân Pháp tập trung triệt hạ các căn cứ của nghĩa quân, Thiên hộ Võ Duy Dương lui dần về giồng Cát, bưng Môn, Xoài Tư - rạch Ruộng,… Cuối năm 1863, Thiên hộ Võ Duy Dương đưa quân về lập căn cứ ở vùng Đồng Tháp Mười với đại bản doanh đặt tại Gò Tháp (nay thuộc huyện Tháp

Mười), chung quanh là đồn Tiền, đồn Tả và đồn Hữu, mỗi đồn chứa từ 200 - 300 nghĩa binh, trang bị vài khẩu đại bác, 10 khẩu súng và 40 - 50 thớt súng bắn đá.

Kể từ lúc về căn cứ Đồng Tháp Mười, ngoài lực lượng của Đốc binh Nguyễn Tấn Kiều, Thống lãnh binh Nguyễn Văn Linh,… còn có đông đảo dân dũng khắp nơi tụ về, cả lính lê dương của Pháp. Từ đây, Đồng Tháp Mười thật sự trở thành trung tâm kháng chiến, thu hút hầu hết các lực lượng nghĩa quân ở Nam kỳ trong thời kỳ 1864 - 1866. Thiên hộ Võ Duy Dương còn giữ được mối liên hệ với triều đình, một báo cáo của Pháp cho biết *"Ông* (Võ Duy Dương) *còn nhận được bức thánh chỉ đề tháng 6, truyền lệnh cho ông phải mời quan Tổng đốc Gia Định Bùi Quang Diệu và Tham tán Bùi Tân. Các quan chức này đã đến Tháp Mười chỉ mang theo 80 người vào tháng 11, họ quay trở lại Gia Định để nhận vài chỉ thị mới"*.

Đến giữa năm 1865, thế lực đã khá mạnh, nghĩa quân Đồng Tháp Mười bắt đầu tấn công Cái Bè, Cái Thia, Cai Lậy, Mỹ Quý,… gây cho quân Pháp nhiều thiệt hại. Một châu bản triều Nguyễn cho biết *"tháng chạp qua, đảng của Thiên hộ Dương, tên Quản Là đã đánh giết 4 người Tây, bắt sống một. Nói lên rằng đã giải đến Tháp Mười, nạp cho Thiên hộ Dương"*. Đặc biệt là trận đánh đồn Mỹ Trà và nhà việc Mỹ Trà vào tháng 7/1865, nghĩa quân giành thắng lợi lớn, mấy ngày sau, Phó thủy sư Đô đốc Rozé mang viện binh từ Sài Gòn xuống ứng cứu, nghĩa quân đã rút lui, Rozé ra lệnh phóng hỏa triệt hạ làng Mỹ Trà để trả thù. Từ đó về sau, vào ngày rằm và mười sáu tháng Giêng hằng năm, hương chức làng Mỹ Trà tổ chức lễ cúng những dân làng bị quân Pháp sát hại ở phía trước chợ Cao Lãnh cũ (nay là đoạn đường Hai Bà Trưng, phường 2, thành phố Cao Lãnh).

Tháng 4/1866, De Lagrandière tập trung quân tấn công vào Đồng Tháp Mười. Sau gần mười ngày chiến đấu, quân Pháp chiếm hết các đồn ngoại vi rồi tiến vào Gò Tháp, Phó tướng Trần Trọng Khiêm hy sinh, Đốc binh Nguyễn Tấn Kiều ở lại chiến đấu cầm chân địch rồi bị thương nặng, nghĩa quân phân tán thành từng nhóm bí mật vượt vòng vây rút lên biên giới, qua Cái Thia hoặc về An Giang… Tháng 11, Thiên hộ Võ Duy Dương vượt biển về kinh, đến cửa Thần Mẫu, cụ và 38 người cùng đi bị nhóm cướp biển Lý Sen giết chết, vua Tự Đức sai người tìm kiếm và chu cấp cho gia đình.

II- CÁC PHONG TRÀO YÊU NƯỚC Ở TỈNH ĐỒNG THÁP ĐẾN NĂM 1930

Phong trào đấu tranh vũ trang dần dần lắng xuống sau cái chết oanh liệt của Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân (1875), nhân dân Đồng Tháp cũng như nhân dân Nam Bộ tiếp tục chiến đấu với quyết tâm giành lại phần đất đã mất, con đường này thất bại, họ tìm ra con đường đấu tranh khác.

1. Phong trào Đông Du - Minh Tân

Phong trào Đông Du (sang Nhật du học để về cứu nước) ở Đồng Tháp bắt nguồn từ truyền thống yêu nước vốn có của nhân dân và là kết quả của hoạt động

giáo dục, bồi dưỡng, hun đúc truyền thống yêu nước cho thanh niên, do các nhà nho yêu nước thực hiện âm thầm, bền bỉ. Vì vậy, riêng Đồng Tháp có 13 người trong hơn 100 người ở Nam Kỳ đã xuất dương cầu học. Những làng có nhiều người tham gia phong trào là Hòa An, Mỹ Trà, Mỹ Xương, Tân Thuận,… Riêng làng Hòa An có Nguyễn Văn Khỏe, Nguyễn Văn Hảo, Đỗ Văn Y, Lê Văn Đáng, Lê Văn Sao (về sau, Lê Văn Sao là trợ thủ đắc lực của Nguyễn Ái Quốc trong thời gian hoạt động ở Pháp),…

Để có nguồn tài chính hỗ trợ cho phong trào, những nhà hoạt động Đông Du ở Đồng Tháp đã tổ chức nhiều cuộc quyên góp trong nhân dân, chủ yếu là các nhà khá giả, đại điền chủ. Ở Cao Lãnh, bà Nguyễn Thị Phước ủng hộ 2.000 đồng (lúc đó lúa chỉ có 0,25 đồng/giạ), ông Trần Bá Lê (Cả nhì Ngưu) làm kinh tài cho phong trào bằng việc bỏ tiền đóng ghe tàu đi buôn bán ở Thái Lan, Hồng Kông, đại điền chủ Lê Quang Hiển cũng là nhà tài trợ lớn, thân sinh của bà Trần Thị Nhượng là người tích cực vận động tiền bạc cho phong trào. Ở Sa Đéc, hiệu buôn Tân Thành vừa kinh doanh vừa nhận tiền đóng góp cho phong trào.

Năm 1901, Gilbert Trần Chánh Chiếu đến Cao Lãnh mở tiệm nhiếp ảnh để có điều kiện cổ vũ phong trào. Năm 1905, Kỳ Ngoại hầu Cường Để, Hội chủ Duy Tân hội đã đến Cao Lãnh tiếp xúc với giới điền chủ. Tôn Dật Tiên (Tôn Văn) cũng đã hai lần đến Cao Lãnh (nơi Tôn Văn dừng chân là trại cây Quảng An Thành, nay là Trung tâm cấp nước Chi nhánh 2, ngay dốc cầu Đúc, phường 1, thành phố Cao Lãnh).

Năm 1907, chính phủ Nhật Bản ra lệnh trục xuất du học sinh Việt Nam, phần lớn du học sinh gốc Đồng Tháp khi về nước đều bị bắt giam, sau đó cho an trí tại quê nhà, một số ít lẻn sang Trung Quốc tiếp tục học tập. Năm 1910, một số sĩ phu của phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục bị thực dân Pháp bắt đưa vào an trí ở Nam Kỳ, trong đó có Dương Bá Trạc (ở Long Xuyên), Nguyễn Quyền (ở Bến Tre), Võ Hoành (ở Sa Đéc), một số trốn vào, như Phương Sơn Nguyễn Xuân Cổn ẩn náu ở Đốc Vàng (Tân Thạnh, Thanh Bình). Sa Đéc - Cao Lãnh là nơi tụ hội của các nhà yêu nước, là nhân tố có ảnh hưởng tích cực đến những thanh niên yêu nước ở đây.

Năm 1912, Phan Bội Châu lập ra Việt Nam Quang phục Hội ở Quảng Châu, chủ trương vũ trang đánh đuổi giặc Pháp, cử Kỳ Ngoại hầu Cường Để và Nguyễn Thần Hiến về nước xây dựng cơ sở. Cường Để một lần nữa trở lại Nam Kỳ, bí mật gặp gỡ các nhà yêu nước, trong đó có Nguyễn Quang Diêu (quê ở Tân Thuận, Cao Lãnh). Các nhà yêu nước Lê Văn Đáng, Lê Văn Mỹ, Nguyễn Hữu Kiến, Đỗ Văn Y, Lưu Quang Bật (Cao Lãnh), Đặng Thúc Liêng, Võ Hoành (Sa Đéc), Bùi Chi Nhuận (Tân An), Hoàng Hưng (Vĩnh Long) tụ họp tại chùa Linh Sơn (phường 3, thành phố Cao Lãnh) để phổ biến chủ trương, đường lối của Việt Nam Quang phục Hội. Năm 1913, Nguyễn Quang Diêu dẫn đầu một phái đoàn Việt Nam Quang phục Hội Nam Kỳ đi Hồng Kông để mua vũ khí, quân dụng, nhưng tất cả đều bị bắt.

Trong thời gian này, ở tỉnh Đồng Tháp còn có phong trào Duy Tân hô hào quần chúng mở trường học, lập hội buôn (công ty), mở mang kỹ nghệ, tích lũy lực

lượng để chống Pháp. Ngoài Tân Thành thương cuộc (ở Sa Đéc) huy động được 6.000 đồng vốn, các nhà yêu nước còn lập Nam Đồng hương lữ quán ở Sài Gòn do ông Phan Văn Cử, người làng Mỹ Trà (Cao Lãnh) đứng ra quản lý. Lữ quán này đã tài trợ cho học sinh xuất dương du học, là nơi hội họp của các nhà ái quốc Huỳnh Thúc Kháng, Dương Bá Trạc, Dương Bá Trác, Phan Châu Trinh, Nguyễn Sinh Huy (Nguyễn Sinh Sắc),… Nhà cầm quyền Pháp đã tìm mọi cách ngăn cấm, từ đe dọa đến bắt bớ tù đày khiến phong trào lần hồi suy yếu rồi tan rã.

2. Phong trào yêu nước "khoác áo" tôn giáo

Là một vùng đất mới khai phá trên dưới 200 năm, lại có nhiều đợt nhập cư của người Hoa không chịu thần phục nhà Thanh. Khẩu hiệu "bài Thanh, phục Minh" của tổ chức Thiên Địa hội nhanh chóng "bắt rễ" vào nông dân Nam Kỳ trong lúc lớp sĩ phu yêu nước đã bất lực trước yêu cầu của lịch sử. Với lập trường "bài Pháp, phục Nam", các tổ chức Thiên Địa hội ở Nam Kỳ với nhiều tên gọi khác nhau nhanh chóng thu hút đông đảo người dân. Ở Đồng Tháp có Hội Đồng bào Ái chưởng hoạt động trong vùng rạch Trê (Sa Đéc) với 50 hội viên do ông Nguyễn Văn Xứ (tức thầy Phùng) chỉ huy, Nghĩa Hòa hội ở kinh Ba (Đồng Tháp Mười) do Võ Văn Quới chỉ huy, nhóm Ái Chưởng hội ở Sa Đéc do Trần Văn Học chỉ huy.

Sau cuộc khởi nghĩa của Phan Xích Long (1913), thực dân Pháp ra sức khủng bố, bắt bớ những người tình nghi, chỉ riêng khu vực kinh Ba Tháp Mười, chúng bắt 35 hội viên, kết án tổng cộng 350 năm đày ra Côn Đảo.

3. Các phong trào yêu nước khác

Năm 1923, Đảng Lập Hiến ra đời - do Bùi Quang Chiêu đứng đầu, đã quy tụ được nhiều nhà tư sản, điền chủ dân Tây. Mục tiêu của Đảng là đòi hỏi một chế độ tự trị trong khuôn khổ chế độ thực dân, đòi thực hành dân chủ, mở rộng việc ứng cử vào các cơ quan tư vấn,… Đảng này có một vài nhân vật lãnh đạo gốc người Sa Đéc (kỹ sư Lưu Văn Lang, Lê Quang Trinh,…).

Hoạt động của trí thức trẻ với hình thức phong phú, đa dạng hơn, đã hình thành một phong trào quần chúng rộng rãi từ thành thị đến nông thôn. Tờ báo *Cloche Fêlée* (*Chuông Rè*) của Nguyễn An Ninh, tờ *An Nam* (*L'Annam*) của Phan Văn Trường, tờ *Đông Pháp thời báo* của Trần Huy Liệu và những hoạt động công khai của Nguyễn An Ninh, đã tác động không nhỏ đối với nhân dân Đồng Tháp. Từ năm 1926, ở Sa Đéc - Cao Lãnh xuất hiện ngày càng nhiều hoạt động của Thanh niên Cao vọng Đảng của Nguyễn An Ninh, tiêu biểu là ông Cò-mi Chắc (Lê Văn Chắc), một thanh niên trí thức quê ở Mỹ Ngãi (nay là xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh), đã thu hút được nhiều thanh niên, trí thức, tư sản, điền chủ địa phương.

4. Thanh niên Cách mạng đồng chí hội

Từ giữa năm 1925 đến cuối năm 1926 là đỉnh cao của phong trào yêu nước của nhân dân Đồng Tháp với các hoạt động hưởng ứng phong trào đòi ân xá Phan Bội Châu, đòi thả Nguyễn An Ninh và làm lễ truy điệu Phan Châu Trinh. Nhân dân Cao Lãnh, nhất là giáo chức, học sinh, dưới sự dẫn dắt của nhóm thanh niên hạt nhân (Phạm Hữu Lầu, Trần Văn Mãng, Lưu Kim Phong, Nguyễn Như Ý,…) đã tổ chức nhiều cuộc mít-tinh, ký kiến nghị, rải truyền đơn, bãi khóa, bãi thị… Phong trào lan sang Sa Đéc với ý định tổ chức bãi khóa một tuần lễ, song không thành công. Sự kiện tổ chức thành công lễ truy điệu Phan Châu Trinh ở Cao Lãnh là mốc đánh dấu bước đầu sự trưởng thành của lớp thanh niên yêu nước trong đấu tranh công khai với kẻ thù.

Năm 1927, Lưu Kim Phong, Võ Bửu Bính, Nguyễn Văn Phát dự lớp huấn luyện do Nguyễn Ái Quốc tổ chức ở Quảng Châu (Trung Quốc) và được kết nạp vào Thanh niên Cách mạng đồng chí hội vào tháng 11/1927. Trở về nước, Lưu Kim Phong, Võ Bửu Bính, Nguyễn Văn Phát được phân công xây dựng Thanh niên Cách mạng đồng chí hội ở quê hương của mình, đến cuối năm 1928, tổ chức hội phát triển ở nhiều nơi trong tỉnh Sa Đéc.

Từ Thanh niên Cách mạng đồng chí hội, các chi bộ An Nam cộng sản Đảng lần lượt ra đời, sớm nhất là chi bộ An Nam cộng sản Đảng làng Hòa An (thành lập khoảng tháng 10/1929). Năm 1930, tất cả các chi bộ An Nam cộng sản Đảng chuyển thành chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, kể từ đây, nhân dân Đồng Tháp cùng nhân dân Nam Bộ và cả nước bước vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước dưới lá cờ vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp, Tập 1 (1927 - 1954)*, Nxb.Chính trị quốc gia - Sự thật, 2020.

- Trung tâm Lưu trữ quốc gia I - Hội Khoa học Lịch sử Đồng Tháp, *Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Kỳ qua châu bản triều Nguyễn*, Nxb.Hà Nội, 2019.

- Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí,* Phạm Hoàng Quân dịch, chú và khảo chứng, Nxb.Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh và Saigonbooks, 2019.

- Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 6, Nxb.Giáo